

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 11 - 2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên, ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 215/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/11/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* H, sinh năm 1989; nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:* Ông T, sinh năm 1965; bà M, sinh năm 1966; cùng nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng cùng xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn H trình bày:**

- *Quan hệ hôn nhân:* Bà H, sinh ngày 04/01/1987 nhưng khi làm khai sinh bị trễ, đã làm khai sinh vào ngày 04/01/1989. Bà H và ông K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào năm 2008. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ đầu năm 2021, bà H bỏ về phía bà ở thôn C, xã H, huyện T sinh sống. Từ đó, hai bên tự bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm gì đến ai.

Nay, nhận thấy tình cảm đã hết, bà H xin được ly hôn ông K.

- *Về con chung:* Có 02 con tên là Đ, sinh ngày 15/11/2004 và Y, sinh ngày 14/5/2011. Trong đó, con tên Đ đã trưởng thành, không yêu cầu gì. Đối với con

tên Y lâu nay do bà H nuôi dưỡng; bà Huệ xin tiếp tục nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

* **Bị đơn K** có ý kiến thống nhất ly hôn, thống nhất giao con cho bà H nuôi, không yêu cầu giải quyết tài sản nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H, ông K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 16/6/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đã tự xa nhau từ đầu năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Bà H xin ly hôn, ông K có ý kiến thống nhất ly hôn.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H, ông K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Có 02 con tên là Đ, sinh ngày 15/11/2004 và Y, sinh ngày 14/5/2011. Trong đó, con chung tên Đ đã trưởng thành, không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với con chung tên Y: Xét thấy, cháu Y lâu nay do bà H nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà H; cháu Y có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bà H; ông K có ý kiến thống nhất giao con cho bà H nuôi dưỡng. Do đó, để cháu Y phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà H: Giao bà H nuôi dưỡng con chung tên Y.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H làm nghề buôn bán, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà H được ly hôn ông K.
2. Về con chung: Giao con chung tên Y, sinh ngày 14/5/2011 cho bà H nuôi dưỡng.

Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà H phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012035 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà H đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H, huyện T
(GDKKH số 50, ngày 16/6/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ